TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH ĐỒNG THÁP**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 169/2024DS-PT
Ngày 09 tháng 4 năm 2024
"V/v tranh chấp quyền sử dụng đất"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐỒNG THÁP

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

- *Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa*: Ông Hứa Quang Thông

- *Các Thẩm phán:* Ông Phạm Minh Tùng

Ông Nguyễn Ngọc Vạng

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Kiều Oanh - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Tháp tham gia phiên tòa: Ông Đỗ Trung Đến - Kiểm sát viên.

Trong các ngày 13 tháng 3 năm 2024 và ngày 09 tháng 4 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 372/2023/TLPT-DS, ngày 22 tháng 11 năm 2023 về việc *"Tranh chấp quyền sử dụng đất"*.

Do bản án dân sự sơ thẩm số: 34/2023/DS-ST ngày 08 tháng 9 năm 2023 của Tòa án nhân dân thành phố Hồng Ngự bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 117/2024/QĐ-PT ngày 19 tháng 02 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên tòa phúc thẩm số 163/2024/QĐ-PT ngày 13 tháng 3 năm 2024 của Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Anh Nguyễn Văn T, sinh năm 1985.

Địa chỉ cư trú: Khóm A, phường A, thành phố H, tỉnh Đồng Tháp.

- *Bị đơn:* Bà Dương Thị K, sinh năm 1952.

Địa chỉ cư trú: Ấp B, xã B, thành phố H, tỉnh Đồng Tháp.

Người đại diện theo ủy quyền của bà Dương Thị K: Anh Nguyễn Thanh H, sinh năm 1979; Địa chỉ cư trú: Ấp P, xã P, huyện H, tỉnh Đồng Tháp (Theo văn bản ủy quyền ngày 27/7/2023).

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

1. Chị Nguyễn Thị H1, sinh năm 1990;

Địa chỉ cư trú: Khóm A, phường A, thành phố H, tỉnh Đồng Tháp.

2. Ông Nguyễn Văn Đ, sinh năm 1951;

Người đại diện theo ủy quyền của ông Nguyễn Văn Đ: Anh Nguyễn Thanh H, sinh năm 1979; Địa chỉ cư trú: Ấp P, xã P, huyện H, tỉnh Đồng Tháp (Theo văn bản ủy quyền ngày 04/4/2024).

3. Bà Nguyễn Thị M, sinh năm 1963;

4. Bà Nguyễn Thị E, sinh năm 1972;

5. Bà La Thị Mỹ C, sinh năm 1975;

Cùng địa chỉ cư trú: Ấp B, xã B, thành phố H, tỉnh Đồng Tháp.

6. Anh Nguyễn Đức H2, sinh năm 1983.

Địa chỉ cư trú: Số C, ấp B, xã B, huyện C, tỉnh Đồng Tháp.

(Anh T, anh H, chị H1 có mặt; Bà M, bà E, bà C, ông H2 vắng mặt).

Người kháng cáo: Anh Nguyễn Văn T là nguyên đơn trong vụ án.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn là anh Nguyễn Văn T trình bày:

Tháng 7/2020, anh T có nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất của anh Nguyễn Đức H2. Tuy nhiên, đến năm 2021, hồ sơ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của anh Nguyễn Văn T mới hoàn tất. Ngày 09/9/2022, khi anh T đi cấp đổi lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất từ địa chỉ thị xã H lên thành phố H, mới biết hộ bà Dương Thị K cất nhà lấn chiếm thửa đất của anh T. Trong quá trình thụ lý, giải quyết anh T yêu cầu bà K phải trả quyền sử dụng đất diện tích 227,4m^2, nhưng khi đo đạc thực tế thì bà K chỉ lấn qua phần đất diện tích 18,8m^2, thuộc một phần thửa đất số 1933, tờ bản đồ số 7 do anh Nguyễn Văn T đứng tên giấy chứng nhận, đất tọa lạc tại xã B, thành phố H, tỉnh Đồng Tháp.

Nay, anh Nguyễn Văn T yêu cầu bà Dương Thị K và ông Nguyễn Văn Đ phải liên đới trả quyền sử dụng đất diện tích 18,8m^2, thuộc một phần thửa 1933, tờ bản đồ số 7, do anh Nguyễn Văn T đứng tên giấy chứng nhận, đất tọa lạc tại xã B, thành phố H, tỉnh Đồng Tháp; đồng thời di dời một phần căn nhà, vật kiến trúc ra khỏi quyền sử dụng đất diện tích 18,8m^2 nêu trên. Ngoài ra, không ý kiến, yêu cầu gì thêm.

- Trong quá trình giải quyết vụ án và các lời khai, cũng như tại phiên tòa bị đơn bà Dương Thị K có người đại diện theo ủy quyền là anh Nguyễn Thanh H trình bày:

Trước đây, mẹ anh (bà Dương Thị K) có thỏa thuận đổi quyền sử dụng đất với chủ sở hữu đất cũ là anh Nguyễn Đức H2, sinh năm 1983; địa chỉ: Số C, ấp B, xã B, huyện C, tỉnh Đồng Tháp. Hai bên thỏa thuận đổi đất để ranh giới quyền sử dụng đất cho ngay ngắn, hai bên thỏa thuận đo phía sau cho bà K là chiều ngang 1,5m, chiều dài khoảng 4m và bà K thống nhất giao lại ngang 2m, dài khoảng 19m, đất mặt tiền. Việc thỏa thuận chỉ bằng miệng, thống nhất cùng thực hiện, không lập thành văn bản. Mẹ anh (bà Dương Thị K) không biết anh Nguyễn Văn T này là ai, nên khi thỏa thuận đổi đất xong thì mẹ anh (bà Dương Thị K) xây cất nhà ở ổn định.

Do đó, qua yêu cầu của anh Nguyễn Văn T, bà K không thống nhất, vì đây là đất hai bên đã thống nhất thỏa thuận đổi xong.

Tuy nhiên, nếu thống nhất thỏa thuận được thì gia đình bà K sẽ chuyển nhượng phần đất đổi này cho anh T và ngược lại anh T sẽ chuyển nhượng phần đất dính vào một phần căn nhà nêu trên cho bà K. Nay, không thỏa thuận được thì bà K đồng ý trả lại quyền sử dụng đất đối với diện tích 14m^2 và trả giá trị quyền sử dụng đất đối với diện tích 4,8m^2 đất dính vào một phần căn nhà của bà K cho anh T; đồng thời, bà K lấy lại phần 2m đất đã đổi để quản lý, sử dụng, nhưng trong vụ án này anh không yêu cầu giải quyết. Ngoài ra, không ý kiến, yêu cầu gì thêm.

- Trong quá trình giải quyết vụ án và các lời khai, cũng như tại phiên tòa người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là chị Nguyễn Thị H1 trình bày:

Thống nhất toàn bộ lời trình bày, yêu cầu, ý kiến của chồng chị tên Nguyễn Văn T. Ngoài ra, không ý kiến, yêu cầu gì thêm.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là bà La Thị Mỹ C trình bày:

Năm 2020, bà La Thị Mỹ C có chuyển nhượng quyền sử dụng đất cho anh Nguyễn Đức H2, không nhớ rõ diện tích. Khi chuyển nhượng, anh H2 có kêu người giáp ranh đến chứng kiến. Thời điểm đó, bà La Thị Mỹ C thấy anh H2 và bà K thống nhất thỏa thuận việc đổi đất nhưng thực tế việc đổi đất thế nào bà C không rõ. Ngoài ra, không ý kiến, yêu cầu gì thêm.

Tại quyết định của bản án dân sự sơ thẩm số 34/2023/DS-ST ngày 08 tháng 9 năm 2023 của Tòa án nhân dân thành phố Hồng Ngự xét xử:

Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Buộc bà Dương Thị K và ông Nguyễn Văn Đ phải liên đới giao trả cho anh Nguyễn Văn T quyền sử dụng đất diện tích 14m^2, trong phạm vi từ mốc 9, mốc 10, mốc 6, mốc 11, mốc 8, mốc 12, mốc 5 và trở về mốc 9, tại một phần thửa đất số 1933, tờ bản đồ số 7, giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cấp cho anh T vào ngày 11/5/2021, đất tại ấp B, xã B, thành phố H, tỉnh Đồng Tháp.

Buộc bà Dương Thị K và ông Nguyễn Văn Đ phải di dời toàn bộ tài sản, cây trồng ra khỏi quyền sử dụng đất diện tích 14m^2 để giao đất cho anh T theo quy định của pháp luật.

Buộc bà Dương Thị K và ông Nguyễn Văn Đ phải liên đới trả cho anh Nguyễn Văn T giá trị quyền sử dụng đất diện tích 4,8m^2, thành tiền 14.400.000đồng (Mười bốn triệu bốn trăm nghìn đồng), tại một phần thửa đất số 1933, tờ bản đồ số 7 do anh T đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, trong phạm vi từ mốc 11, mốc 8, mốc 12 và trở về mốc 11, đất tại ấp B, xã B, thành phố H, tỉnh Đồng Tháp.

Đề nghị Ủy ban nhân dân thành phố H, tỉnh đồng Tháp thu hồi quyền sử dụng đất diện tích 4,8m^2, tại một phần thửa đất số 1933, tờ bản đồ số 7, đã cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho anh T vào ngày 11/5/2021, để cấp lại quyền sử dụng đất cho bà K và ông Đ.

Kể từ ngày anh Nguyễn Văn T có đơn yêu cầu thi hành án, mà bà Dương Thị K và ông Nguyễn Văn Đ chưa thi hành xong số tiền nêu trên, thì hàng tháng còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

Bà Dương Thị K, ông Nguyễn Văn Đ và anh Nguyễn Văn T phải đến cơ quan Nhà nước có thẩm quyền xác lập thủ tục chuyển nhượng, điều chỉnh quyền sử dụng đất diện tích 4,8m^2, tại một phần thửa đất số 1933, tờ bản đồ số 7 để bà Dương Thị K và ông Nguyễn Văn Đ được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo quy định của pháp luật.

(Kèm theo sơ đồ đo đạc số: 07 – 2023 ngày 05 tháng 5 năm 2023 do Chi nhánh Văn phòng Đăng ký đất đai thành phố H đo vẽ; biên bản xem xét, thẩm định ngày 10 tháng 01 năm 2023 của Tòa án nhân dân thành phố Hồng Ngự, tỉnh Đồng Tháp và sơ đồ bổ sung hiện trạng tranh chấp).

Về án phí dân sự sơ thẩm:

Anh Nguyễn Văn T không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm; hoàn trả lại cho anh Nguyễn Văn T 840.000đồng (T1 trăm bốn mươi nghìn đồng) số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp theo biên lai thu số: 0006779 ngày 07 tháng 11 năm 2022 tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Hồng Ngự, tỉnh Đồng Tháp.

Bà Dương Thị K và ông Nguyễn Văn Đ được miễn tiền án phí.

Chị Nguyễn Thị H1, bà Nguyễn Thị M, bà Nguyễn Thị E, bà La Thị Mỹ C, anh Nguyễn Đức H2 đều không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

Về chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ:

Anh Nguyễn Văn T không phải chịu chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ.

Bà Dương Thị K và ông Nguyễn Văn Đ phải liên đới hoàn trả lại cho anh Nguyễn Văn T số tiền 3.194.000đồng (Ba triệu một trăm chín mươi bốn nghìn đồng).

Chị Nguyễn Thị H1, bà Nguyễn Thị M, bà Nguyễn Thị E, bà La Thị Mỹ C, anh Nguyễn Đức H2 đều không phải chịu chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ.

Ngoài ra bản án sơ thẩm còn tuyên thời hạn, quyền kháng cáo, quyền và nghĩa vụ, thời hiệu thi hành án của các đương sự.

Sau khi xét xử sơ thẩm: Ngày 14/9/2023, anh Nguyễn Văn T là nguyên đơn kháng cáo yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm xét xử theo hướng trả lại phần đất bị lấn chiếm mà bà K đã cất nhà lại cho anh T.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

- Nguyên đơn anh Nguyễn Văn T thay đổi một phần yêu cầu kháng cáo. Anh T yêu cầu hộ bà K trả giá trị đối với phần đất bị lấn chiếm số tiền là 70.000.000 đồng.

- Người đại diện theo ủy quyền của bị đơn là anh Nguyễn Thanh H trình bày: Không đồng ý theo yêu cầu của anh T, thống nhất theo bản án sơ thẩm đã tuyên. Tuy nhiên anh H tự nguyện hỗ trợ thêm 10.600.000 đồng. Tổng cộng số

tiền mà bà K và ông Đ phải liên đới trả cho anh T giá trị quyền sử dụng đất đối với diện tích 4,8m^2 là 25.000.000 đồng.

***- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Tháp phát biểu ý kiến*:**

Về tố tụng: Người tiến hành tố tụng và người tham gia tố tụng đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa phúc thẩm. Đối với những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan thì chưa chấp hành đúng theo quy định của pháp luật do Tòa án đã triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không có lý do.

Về nội dung vụ án: Tại phiên tòa người đại diện theo ủy quyền của bà K và ông Đ là anh Nguyễn Thanh H đã tự nguyện trả giá trị đối với diện tích lấn chiếm 4,8m^2 số tiền là 25.000.000 đồng. Đây là sự tự nguyện của đương sự, sự tự nguyện này phù hợp với một phần yêu cầu kháng cáo của anh T. Do đó đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận một phần yêu cầu kháng cáo của anh T. Sửa một phần bản án sơ thẩm của Tòa án nhân dân thành phố Hồng Ngự theo hướng công nhận sự tự nguyện của đương sự.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến trình bày của đương sự, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát. Hội đồng xét xử phúc thẩm nhận định:

[1] Về tố tụng: Đơn kháng cáo của anh Nguyễn Văn T còn trong hạn luật định, hợp lệ đúng theo quy định tại Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự nên được chấp nhận xem xét giải quyết theo trình tự phúc thẩm.

Tòa án đã triệu tập hợp lệ đối với anh Nguyễn Đức H2, tuy nhiên anh H2 vẫn vắng mặt không có lý do, nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt theo quy định tại khoản 3, Điều 296 của Bộ luật tố tụng dân sự. Đối với bà Nguyễn Thị M, bà Nguyễn Thị E, bà La Thị Mỹ C có đơn xin xét xử vắng mặt đúng theo quy định nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt theo quy định tại khoản 2 Điều 296 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung: Anh T kháng cáo yêu cầu hộ bà K trả lại phần đất bị lấn chiếm mà bà K đã cất nhà diện tích là 4,8m^2. Tuy nhiên tại phiên tòa anh T thay đổi một phần yêu cầu kháng cáo, anh T yêu cầu hộ bà K trả giá trị quyền sử dụng đất diện tích là 4,8m^2 đã lấn chiếm là 70.000.000 đồng. Xét thấy: Năm 2020, anh Nguyễn Văn T có nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất của anh Nguyễn Đức H2 tại thửa đất số 1933, đến ngày 11/5/2021 anh T được Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Đ cấp giấy chứng nhận QSDĐ theo thủ tục biến động chuyển nhượng, không thuộc trường hợp đo đạc hiện trạng.

Đối với yêu cầu của anh T thì phía bà K đã thừa nhận có lấn chiếm quyền sử dụng đất diện tích 18,8m^2 (trong đó, bà Dương Thị K làm hàng rào diện tích 14m^2 và xây dựng căn nhà cấp 4 dính vào quyền sử dụng đất diện tích 4,8m^2) do anh Nguyễn Văn T đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, nên bà Dương Thị K thống nhất trả lại cho anh Nguyễn Văn T quyền sử dụng đất diện

tích đất 14m^2 và trả giá trị quyền sử dụng đất dính một phần căn nhà cấp 4 với diện tích 4,8m^2, vì trước đây (năm 2020), bà K và anh H2 có thỏa thuận đổi quyền sử dụng đất cụ thể: Anh H2 lấy mặt trước tiếp giáp với nền nhà của bà K có chiều ngang 02 mét, chiều dài khoảng 18 mét và ngược lại anh Hiệp đổi lại quyền sử dụng đất mặt giữa có chiều ngang 1,5 mét, chiều dài khoảng 18 mét. Sau khi hai bên đã thống nhất đổi quyền sử dụng đất thì bà K đã tiến hành xây dựng căn nhà cấp 4 (Tại thời điểm, bà K xây dựng căn nhà cấp 4 là trước khi anh T nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất của anh H2). Hiện tại, căn nhà cấp 4 này do bà K và ông Đ (chồng của bà Dương Thị K) đang trực tiếp ở nên nếu buộc tháo dỡ một phần căn nhà diện tích 4,8m^2 để trả lại cho anh T sẽ gặp rất nhiều khó khăn, làm ảnh hưởng đến quá trình sử dụng và công năng của một phần căn nhà. Để đảm bảo quyền và lợi ích hợp pháp của các bên đương sự, cần giữ nguyên căn nhà cấp 4 cho bà K và ông Đ quản lý, sử dụng và buộc bà K và ông Đ phải liên đới trả cho anh T giá trị quyền sử dụng đất diện tích 4,8m^2 theo biên bản thỏa thuận giá đất ngày 18/8/2023 là có căn cứ. Mặc khác tại phiên tòa người đại diện theo ủy quyền của bà K và ông Đ đã tự nguyện trả giá trị đối với diện tích lấn chiếm 4,8m^2 với tổng cộng số tiền là 25.000.000 đồng. Đây là tình tiết phù hợp với một phần yêu cầu kháng cáo của anh T nên Hội đồng xét xử chấp nhận. Ngoài ra tại phiên tòa anh T cũng không có tài liệu, chứng cứ gì khác chứng minh cho yêu cầu của mình.

[3] Từ những phân tích trên Hội đồng xét xử xét thấy yêu cầu kháng cáo của anh Nguyễn Văn T là có căn cứ chấp nhận một phần, nên Hội đồng xét xử chấp nhận một phần yêu cầu kháng cáo của anh T. Sửa một phần bản án sơ thẩm.

[4] Xét việc đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Tháp là có căn cứ nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[5] Về án phí dân sự phúc thẩm: Do chấp nhận một phần yêu cầu kháng cáo của anh Nguyễn Văn T, nên anh T không phải chịu án phí phúc thẩm theo quy định.

[6] Các phần khác của bản án sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực kể từ ngày hết hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ Điều 26, Điều 91, Điều 147, khoản 1 Điều 148, Điều 157, Điều 158, khoản 2, Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

- Điều 26, 29 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Chấp nhận một phần yêu cầu kháng cáo của anh Nguyễn Văn T.

Chấp nhận sự tự nguyện trả giá trị đối với diện tích lấn chiếm 4,8m^2 với tổng số tiền là 25.000.000 đồng của bà Dương Thị K và ông Nguyễn Văn Đ.

Sửa một phần Bản án dân sự sơ thẩm số 34/2023/DS-ST ngày 08 tháng 9 năm 2023 của Tòa án nhân dân thành phố Hồng Ngự, tỉnh Đồng Tháp.

Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Buộc bà Dương Thị K và ông Nguyễn Văn Đ phải liên đới giao trả cho anh Nguyễn Văn T quyền sử dụng đất diện tích 14m^2, trong phạm vi từ mốc 9, mốc 10, mốc 6, mốc 11, mốc 8, mốc 12, mốc 5 và trở về mốc 9, tại một phần thửa đất số 1933, tờ bản đồ số 7, giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cấp cho anh T vào ngày 11/5/2021, đất tại ấp B, xã B, thành phố H, tỉnh Đồng Tháp.

Buộc bà Dương Thị K và ông Nguyễn Văn Đ phải di dời toàn bộ tài sản, cây trồng ra khỏi quyền sử dụng đất diện tích 14m^2 để giao đất cho anh T theo quy định của pháp luật.

Buộc bà Dương Thị K và ông Nguyễn Văn Đ phải liên đới trả cho anh Nguyễn Văn T giá trị quyền sử dụng đất diện tích 4,8m^2, thành tiền 25.000.000đồng (Hai mươi lăm triệu đồng), tại một phần thửa đất số 1933, tờ bản đồ số 7 do anh T đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, trong phạm vi từ mốc 11, mốc 8, mốc 12 và trở về mốc 11, đất tại ấp B, xã B, thành phố H, tỉnh Đồng Tháp.

Kể từ ngày anh Nguyễn Văn T có đơn yêu cầu thi hành án, mà bà Dương Thị K và ông Nguyễn Văn Đ chưa thi hành xong số tiền nêu trên, thì hàng tháng còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

Bà Dương Thị K, ông Nguyễn Văn Đ và anh Nguyễn Văn T phải đến cơ quan Nhà nước có thẩm quyền điều chỉnh quyền sử dụng đất diện tích 4,8m^2, tại một phần thửa đất số 1933, tờ bản đồ số 7 để bà Dương Thị K và ông Nguyễn Văn Đ được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo quy định của pháp luật.

(Kèm theo sơ đồ đo đạc số: 07 – 2023 ngày 05 tháng 5 năm 2023 do Chi nhánh Văn phòng Đăng ký đất đai thành phố H đo vẽ; biên bản xem xét, thẩm định ngày 10 tháng 01 năm 2023 của Tòa án nhân dân thành phố Hồng Ngự, tỉnh Đồng Tháp và sơ đồ bổ sung hiện trạng tranh chấp).

Về án phí dân sự sơ thẩm:

Anh Nguyễn Văn T không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm; hoàn trả lại cho anh Nguyễn Văn T 840.000đồng (T1 trăm bốn mươi nghìn đồng) số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp theo biên lai thu số: 0006779 ngày 07 tháng 11 năm 2022 tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Hồng Ngự, tỉnh Đồng Tháp.

Bà Dương Thị K và ông Nguyễn Văn Đ được miễn tiền án phí.

Chị Nguyễn Thị H1, bà Nguyễn Thị M, bà Nguyễn Thị E, bà La Thị Mỹ C, anh Nguyễn Đức H2 đều không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

Về án phí dân sự phúc thẩm:

Anh Nguyễn Văn T không phải chịu tiền án phí dân sự phúc thẩm. Anh T được nhận lại 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí phúc thẩm, theo biên lai thu

tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0001235 ngày 15/9/2023, tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Hồng Ngự, tỉnh Đồng Tháp.

Về chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ:

Anh Nguyễn Văn T không phải chịu chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ.

Bà Dương Thị K và ông Nguyễn Văn Đ phải liên đới hoàn trả lại cho anh Nguyễn Văn T số tiền 3.194.000đồng (Ba triệu một trăm chín mươi bốn nghìn đồng).

Chị Nguyễn Thị H1, bà Nguyễn Thị M, bà Nguyễn Thị E, bà La Thị Mỹ C, anh Nguyễn Đức H2 đều không phải chịu chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

***Nơi nhận*:**
- Phòng KTNV&THA Tỉnh;
- VKSND Tỉnh;
- VKSND TP. Hồng Ngự
- TAND TP. Hồng Ngự;
- Chi cục THADS TP. Hồng Ngự;
- Đương sự;
- Lưu: VT, HSVA, TDS (O).

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Hứa Quang Thông